TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2025/HC-PT
Ngày: 24/02/2025
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Nguyễn Tất Nam.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thẩm tra viên Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Nguyễn Trọng Vĩnh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 648/2024/TLPT-HC ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 316/2024/HC-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 464/2025/QĐPT-HC ngày 10 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Phạm Thị V, sinh năm 1925 (đã chết).

Địa chỉ: Thôn Bằng S1, xã Ninh S2, huyện Thường T1, thành phố Hà Nội.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện:

1.1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn Bằng S1, xã Ninh S2, huyện Thường T1, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H1: Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1981; địa chỉ: Vũ Tông P, phường Khương Đ1, quận Thanh X1, thành phố Hà Nội; có mặt.

1.2. Bà Nguyễn Thị Bích H3, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp Phụng T2, xã Thạnh T3, huyện Vịnh T4, thành phố Cần Thơ; vắng mặt.

1.3. Bà Nguyễn Minh K, sinh năm 1964; địa chỉ: xã Thạnh A1, huyện Vịnh T4, thành phố Cần Thơ; vắng mặt.

1.4. Bà Nguyễn Thị Thanh X2, sinh năm 1969; địa chỉ: phường An B, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

1.5. Ông Nguyễn Hoàng Đ2, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn Từ C1, xã Liên C2, huyện Thanh O, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

1.6. Bà Nguyễn Thị Lan A2, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Từ C1, xã Liên C2, huyện Thanh O, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

1.7. Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1977; địa chỉ: Đội 2, thôn Từ C1, xã Liên C2, huyện Thanh O, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

1.8. Bà Nguyễn Minh H4, sinh năm 1982; địa chỉ: Triệu X3, xã Long X4, huyện Phúc T5, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

(Ông Đ5, bà Lan A2, bà N, bà H4 là con của bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1952 - con gái bà Phạm Thị V - chết ngày 10/01/1994).

Bà Nguyễn Thị Bích H3, bà Nguyễn Minh K, bà Nguyễn Thị Thanh X2, ông Nguyễn Hoàng Đ2, bà Nguyễn Thị Lan A2, bà Nguyễn Thị Hồng N, bà Nguyễn Minh H4 ủy quyền cho:

- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn Bằng S1, xã Ninh S2, huyện Thường T1, thành phố Hà Nội; có mặt.

- Ông Hoàng Hữu Đ3, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn Khe N1, xã Tân Th, huyện Văn Ch, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

- Bà Trương Thị T5, sinh năm 1999; địa chỉ: Khu Y, thị trấn Ninh G, huyện Ninh G, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Các Luật sư Dương Lê Ước A2, Nguyễn Văn H3, Hoàng Thị Kim Th – Công ty Luật hợp danh Đại An Ph thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Tr, quận C, thành phố Hà Nội; đều vắng mặt.

2. Người bị kiện: UBND huyện Thường T1, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND xã Ninh S2, huyện Thường T1, thành phố Hà Nội.

Người đại diện: Ông Đỗ Hải B - Công chức Tư pháp, Hộ tịch xã Ninh S2; có mặt.

3.2. Ông Đỗ Hồng Đ4, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn Bằng S1, xã Ninh S2, huyện Thường T1, thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của người khởi kiện là bà Phạm Thị V và người đại diện theo uỷ quyền có nội dung khởi kiện như sau:

Gia đình bà Phạm Thị V được nhà nước giao 144m^2 đất nông nghiệp thuộc quỹ đất 5% (thửa đất số 133, tờ bản đồ số III năm 1993 ghi tên bà Phạm Thị V; sau này là thửa đất số 346, tờ bản đồ số 25 năm 2020) để trồng màu. Tại thời điểm giao đất, gia đình bà V có 04 người: chồng bà là ông Nguyễn Văn N2 (sinh năm 1920), bà Phạm Thị V (sinh năm 1925) cùng hai con gái là Nguyễn Thị L (sinh năm 1952) và Nguyễn Thị H1 (sinh năm 1959). Như các trường hợp được giao đất 5% từ thời điểm năm 1960, không ai có giấy tờ về việc giao đất này. Nhà nước cũng không thu thuế đất nông nghiệp đối với đất 5%. Từ đó đến nay, gia đình bà V giao cho bà H1 quản lý sử dụng, trồng trọt hoa màu (có xác nhận của thôn Bằng S1, đội trưởng đội sản xuất và những người sử dụng đất liền kề, giáp ranh). Trong quá trình quản lý sử dụng, gia đình bà V không hề bị xử phạt hành chính hay bị thu hồi.

Năm 2012, ông Đỗ Hồng Đ4 (sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn Bằng S1, xã Ninh S2, huyện Thường T1, thành phố Hà Nội) tự ý trồng chuối trên đất của gia đình bà V và thông báo với gia đình bà V là thôn đã giao thửa đất đó cho ông Đỗ Hồng Đ4 từ năm 1996. Gia đình bà V đã làm đơn đi các nơi để kêu cứu nhưng chưa được cơ quan nào giải quyết. Khi phóng viên vào làm việc, ông Đ4 đã cung cấp cho phóng viên tờ giấy giao đất ngày 30/10/1996 với nội dung "Địa phương đồng ý chuyển đất 5% của anh C4 về ruộng canh tác của anh C4 ở khu Cửa L, còn thửa ruộng 5% ở khu Bờ G anh C4 trả lại. Địa phương giao cho anh Đỗ Hồng Đ4 canh tác lâu dài theo thời hạn quy định của nhà nước". Tờ giấy có chữ ký của ông Nguyễn Xuân H5 (Bí thư chi bộ), ông Đỗ Nhân T6 (Trưởng thôn), ông Nguyễn Trung T7 (Phụ trách đội sản xuất). Tuy nhiên, ông T6 (Trưởng thôn) là bố đẻ của ông Đ4. Theo lời của ông C5 (Nguyên đội trưởng đội sản xuất nông nghiệp thôn Bằng S1) tại thời điểm những năm 1996, người có chức danh Trưởng thôn sẽ kiêm luôn chức Đội trưởng đội sản xuất nông nghiệp. Nói cách khác, Đội trưởng đội sản xuất nông nghiệp thời điểm đó là ông T6 chứ không phải ông Nguyễn Trung T7. Ông Nguyễn Xuân H5 khi trao đổi với phóng viên cho biết: "Việc tôi ký xác nhận lần trước, lý do là về dồn điền đổi thửa, nên ông T6 có đưa để tôi ký. Nhưng không phải là thế mà trái lại là đổi đất 5%. Việc này tôi không biết". Về phía ông Nguyễn Trung T7, tại biên bản cuộc họp thôn Bằng S1 (ngày 23/3/2020) giải quyết tranh chấp đất đai giữa gia đình bà V và gia đình ông Đ4 có nêu ý kiến: Trong thời gian còn làm việc, ông có nghe ông T6 nói về việc nhà bà V có nhu cầu chuyển đất 5% về khu Cửa L. Còn về việc đơn của gia đình bà V, ông không hề biết.

Tới ngày 23/3/2020, ông Đ4 mới cung cấp tờ đơn có chữ ký của ông Nguyễn Văn C4 là chồng của bà H1 đề ngày 22/10/1996 tại cuộc họp do lãnh đạo thôn Bằng S1, xã Ninh S2 tổ chức. Tờ đơn có nội dung ông C4 xin đổi đất ruộng canh tác từ khu Bờ G về khu Cửa L (thôn Bằng S1). Tuy nhiên, khi còn sống, chồng bà H1 khẳng định không làm đơn từ nào liên quan đến đất của bà Phạm Thị V. Mảnh đất trên do bà V đứng tên, ông C4 hay bất cứ ai cũng không có quyền mang ra chuyển nhượng, chuyển đổi nếu không được uỷ quyền. Mặt khác, diện tích đất gia đình bà V hiện đang sử dụng tại khu Cửa L là đất sản xuất, được nhà nước giao theo Nghị định 64, không có đất 5%.

Ngày 12/7/2021, ông Đ4 nộp đơn xin tự nguyện trả lại mảnh đất trên cho chính quyền. Ngày 14/7/2021, Uỷ ban nhân dân huyện Thường T1 đã ban hành Quyết định số 2589/QĐ-UBND về việc thu hồi 144 m^2 đất nông nghiệp do ông Đỗ Hồng Đ4, địa chỉ thường trú tại thôn Bằng S1, xã Ninh S2, huyện Thường T1, Thành phố Hà Nội sử dụng tại thửa đất số 133, tờ bản đồ số III, năm 1993, xã Ninh S2, huyện Thường T1, Thành phố Hà Nội với lý do: đất được giao không đúng thẩm quyền và người sử dụng tự nguyện trả lại đất. Khi biết việc này, gia đình bà V đã ngay lập tức khiếu nại Quyết định số 2589/QĐ - UBND để nghị xem xét lại sự việc đầy bất thường này, ông Đ4 không thể là đối tượng giao đất 5% (từ những năm 1960) để khẳng định là người được giao đất, ông Đ4 cũng không có tài liệu nào thể hiện mình là người quản lý, sử dụng diện tích đất mà gia đình bà V đang quản lý, sử dụng, tại sao ông Đ4 lại có đơn trả lại đất mà ông Đ4 không được giao, không quản lý, không sử dụng? Tuy nhiên, UBND huyện Thường T1 vẫn ban hành Quyết định 2589/QĐ-UBND mà không xác minh thực tế thửa đất ông Đ4 xin trả lại là diện tích đất mà gia đình bà V vẫn đang sử dụng, canh tác được cả thôn biết.

Nhận thấy quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, ngày 11/7/2022, bà Phạm Thị V đã làm Đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội:

- Hủy Quyết định số 2589/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện Thường T1.

- Yêu cầu ông Đỗ Hồng Đ4 phải công khai xin lỗi gia đình bà.

- Công nhận thửa đất số 133, tờ bản đồ số III năm 1993 (nay là thửa đất số 346, tờ bản đồ số 25 năm 2020) tại khu Bờ G, thôn Bằng S1, xã Ninh S2, huyện Thường T1, Thành phố Hà Nội của gia đình bà.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện Thường T1 trình bày:

Thửa đất số 133, tờ bản đồ số III năm 1993 tại khu Bờ G, thôn Bằng S1, xã Ninh S2, huyện Thường T1, Thành phố Hà Nội (thuộc thửa đất số 346, tờ bản

đồ số 25, đo đạc theo dự án: Xây dựng tổng thể hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai Thành phố Hà Nội năm 2020) diện tích 144m^2 là đất nông nghiệp 5% được giao cho hộ gia đình bà Phạm Thị V từ năm 1972 với hạn mức 36m^2/người, nhân khẩu được giao đất gồm: bà Phạm Thị V; ông Nguyễn Văn N2 (chồng bà V); bà Nguyễn Thị H1 (con gái), bà Nguyễn Thị L (con gái). Bà V đã giao diện tích đất này cho vợ chồng con gái Nguyễn Thị H1 và con rể Nguyễn Văn C4 sử dụng.

Ngày 22/10/1996, ông C4 có đơn xin đổi ruộng canh tác gửi Ban lãnh đạo thôn Bằng S1, nội dung: xin giao trả lại 04 miếng ruộng (144m^2) khu Bờ G để đổi về khu ruộng canh tác khu chân rau Cửa L. Ngày 30/10/1996, ông Nguyễn Xuân Hỏa - Bí thư chi bộ, ông Đỗ Nhân T6 - Trưởng thôn và ông Nguyễn Trung T7 - Phụ trách Đội sản xuất đã ký xác nhận với nội dung: "Địa phương đồng ý chuyển đất 5% của ông C4 trả lại - địa phương giao cho ông Đỗ Hồng Đ4 (là quân nhân xuất ngũ trở về địa phương, ở thôn Bằng S1, xã Ninh S2) canh tác lâu dài theo thời hạn quy định của nhà nước".

Sau khi chuyển đổi ruộng, gia đình ông C4 đã sử dụng đất tại khu Cửa L, thôn Bằng S1. Ông Đ4 đã nhận 04 miếng ruộng (144m^2) canh tác tại khu vực Bờ G thôn Bằng S1 vào cuối năm 1996. Quá trình sử dụng đất từ đó đến năm 2020 không có tranh chấp, khiếu kiện và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

Tháng 01/2020, bà Phạm Thị V có đơn tố cáo ông Đỗ Hồng Đ4 với tư cách là một cán bộ, Đảng viên lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhằm chiếm đoạt đất đai (diện tích đất nông nghiệp 04 miếng (144m^2) tại khu Bờ G của gia đình bà). Vụ việc đã được Đảng ủy xã Ninh S2 thành lập Tổ xác minh, kiểm tra và có Kết luận số 01/KL - ĐU ngày 04/3/2021 với nội dung kết luận *"Những nội dung tố cáo của người tố cáo đối với đồng chí Đỗ Hồng Đ4 không có cơ sở"*. Bà V không nhất trí và tiếp tục có đơn gửi các cấp đề nghị giải quyết.

- Ngày 01/7/2021, UBND xã Ninh S2 có Báo cáo số 40/BC-UBND về việc đề nghị thu hồi đất giao trái thẩm quyền, giao không đúng đối tượng tại thửa đất số 346, tờ bản đồ số 25, diện tích 144m^2 tại thôn Bằng S1, xã Ninh S2, huyện Thường T1, Thành phố Hà Nội.

- Ngày 12/7/2021, ông Đỗ Hồng Đ4 có Đơn xin trả lại diện tích 144m^2 đất nông nghiệp tại khu Bờ G, thôn Bằng S1 (thửa đất số 133, tờ bản đồ số III) để UBND xã Ninh S2 quản lý và không có đòi hỏi gì. Cùng ngày, UBND xã Ninh S2 có Tờ trình số 15/TTr-UBND, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thường T1 có Tờ trình số 147/TTr-TNMT về việc đề nghị UBND huyện Thường T1 thu hồi 144m^2 đất nông nghiệp do ông Đ4 quản lý nêu trên. Ngày 14/7/2021, UBND huyện Thường T1 đã ban hành Quyết định số 2589/QĐ-UBND về việc thu hồi 144m^2 đất nông

nghiệp do ông Đỗ Hồng Đ4, địa chỉ: thôn Bằng S1, xã Ninh S2, huyện Thường T1, Thành phố Hà Nội sử dụng tại thửa đất số 133, tờ bản đồ số III, năm 1993 xã Ninh S2, huyện Thường T1, Thành phố Hà Nội.

Việc Uỷ ban nhân dân huyện Thường T1 ban hành Quyết định số 2589/QĐ-UBND về việc thu hồi 144m^2 đất nông nghiệp do ông Đỗ Hồng Đ4, địa chỉ: thôn Bằng S1, xã Ninh S2, huyện Thường T1, Thành phố Hà Nội sử dụng tại thửa đất số 133, tờ bản đồ số III, năm 1993 xã Ninh S2, huyện Thường T1, Thành phố Hà Nội là đúng theo quy định pháp luật.

Do đó, Uỷ ban nhân dân huyện Thường T1 không đồng ý huỷ Quyết định số 2589/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 về việc thu hồi 144m^2 đất nông nghiệp do ông Đỗ Hồng Đ4 tự nguyện trả lại.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Theo Ủy ban nhân dân xã Ninh S2 có văn bản trình bày: Đối với việc quản lý và sử dụng tại thửa đất 144m^2 khu Bờ G, thôn Bằng S1, UBND xã sau khi nhận được Đơn kiến nghị của công dân đã tiến hành xác minh thực tế tại cơ sở cho thấy: Việc quản lý và sử dụng thửa đất để canh tác thời điểm từ năm 1996 đến năm 2021 (năm xảy ra tranh chấp có đơn thư của gia đình bà V) do hộ gia đình ông Đỗ Hồng Đ4 thực hiện, gia đình bà V không thực hiện canh tác gì tại thửa đất 144m^2 trong thời gian trên, lý do vì ông Nguyễn Văn C4 là con rể bà V đã có đơn xin chuyển đổi vị trí ruộng sang khu Cửa L của thôn Bằng S1 và yêu cầu của ông C4 đã được đại diện thôn Bằng S1 chấp thuận cho qui đổi vị trí ruộng từ khu Bờ G ra khu Cửa L, diện tích qui đổi là 4 miếng = 144m^2. Sau khi tiếp nhận đơn kiến nghị của công dân, UBND xã đã tiến hành các bước xác minh và tiến hành hoà giải theo qui định của pháp luật, tuy nhiên việc hoà giải không thành. Trải qua các qui trình theo luật định cùng với chỉ đạo từ các cơ quan chức năng có thẩm quyền cũng như nhu cầu của ông Đỗ Hồng Đ4 là người đang trực tiếp sử dụng thửa đất 144m^2 mà gia đình bà Phạm Thị V có đơn kiến nghị. UBND xã đã tiến hành lập tờ trình gửi UBND huyện Thường T1 và UBND huyện đã lập hồ sơ để ban hành Quyết định 2589/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 về việc thu hồi diện tích 144m^2 đất tại vị trí khu Bờ G giao cho UBND xã Ninh S2 quản lý, UBND xã Ninh S2 giữ nguyên quan điểm đồng thuận với Quyết định 2589/QĐ-UBND của UBND huyện Thường T1.

Theo ông Đỗ Hồng Đ4 trình bày:

Năm 1996, sau khi đi bộ đội về xuất ngũ, do công ăn việc làm ít, nhu cầu công việc làm kinh tế là rất cần thiết, nhất là sản xuất nông nghiệp trồng lúa tạo lương thực. Tháng 10 năm 1996, ông được Hợp tác xã nông nghiệp Ninh S2 và lãnh đạo thôn Bằng S1 giao cho ông 144 m^2 đất nông nghiệp là đất trồng lúa 2 vụ tại khu vực gần giếng nước thôn Bằng S1 (Thửa đất số 133, tờ bản đồ số III, đo

năm 1992) để sản xuất nông nghiệp, nâng cao đời sống của gia đình ông. Từ ngày được giao, ông sử dụng đúng mục đích sản xuất nông nghiệp và nộp sản phẩm hàng năm. Diện tích đất nông nghiệp này là quỹ đất công không nằm trong tiêu chuẩn của gia đình ông, mà do điều kiện và nhu cầu làm kinh tế khó khăn nên tập thể giao cho ông sản xuất theo quy định của Nhà nước.

Từ tháng 10/1996 đến tháng 12/2019, hơn 23 năm ông canh tác thửa đất trên không có bất cứ tập thể, cá nhân nào có ý kiến gì đối với thửa đất ông sử dụng, không có tranh chấp với bất cứ ai trong thôn và các hộ có đất bên cạnh, diện tích 144 m^2 vẫn được ông bảo toàn, không mất diện tích.

Từ tháng 02/2020 (Sau khi ông C4, chồng bà H1 chết ngày 09/02/2020), chị Hải liên tục gây khó khăn cho ông bằng các loại đơn thư khiếu kiện không có căn cứ lên các cấp. Việc sử dụng thửa đất này đối với ông chỉ là để sản xuất và do tập thể giao, cá nhân ông không tự đến giữ để làm và không lấy của ai. Năm 1996, ông không phải là cán bộ, cũng chưa là đảng viên. Về quá trình công tác của ông: Tháng 6 năm 2004, ông được tuyển dụng làm cán bộ Văn phòng UBND xã Ninh S2, đến tháng 01/2005, ông được kết nạp vào Đảng và công tác tại UBND xã Ninh S2 cho đến nay.

Nay do tình hình phức tạp liên quan đến thửa đất, cá nhân người tố cáo gây khó khăn cho ông trong công tác. Để ổn định công tác của cá nhân cũng như của tập thể UBND xã và gia đình, ông đã làm đơn xin trả lại thửa đất nông nghiệp 144m^2 nêu trên để UBND xã Ninh S2 thu hồi, quản lý kể từ ngày 12/7/2021.

Đối với nội dung mẹ con bà H1 tố cáo ông, cụ thể:

1. Nội dung bà V và bà H1 tố cáo ông cướp đất 5%.

Ông Nguyễn Văn C4 là con rể ở cùng với bà V và được bà V giao quyền đứng tên chủ hộ gia đình, chủ sổ đỏ đất ở thổ cư. Ông C4 đại diện chủ hộ gia đình có Đơn xin chuyển đổi diện tích đất 5% khu Bờ G về Cửa L và trả lại đất đó cho thôn và chính quyền các cấp ngày 22/10/1996 (*Có giấy viết tay của ông C4 kèm theo*). Thời điểm đó, ông được thôn đội giao cho canh tác thửa đất đó là ngày 30/10/1996 canh tác theo quy định, pháp luật của Nhà nước, ông không liên quan gì đến bà V và bà H1. Nội dung tố cáo này là hoàn toàn sai sự thật.

2. Nội dung xóa tên bà V trong bản đồ.

Việc ông được giao đất và sản xuất canh tác từ năm 1996 cho đến nay, khi Thành phố Hà Nội triển khai đo vẽ bản đồ, ông có đến kê khai bình thường như mọi gia đình, thì chính bà H1 là người xóa tên ông trước và ghi tên bà Phạm Thị V vào trong sổ khi ông vẫn đang canh tác. Chính ông đề nghị bộ phận đối chiếu hồ sơ tại nhà văn hóa Thôn Bằng S1 loại bỏ thửa đất này, chưa cho ai đăng ký làm hồ sơ. Nội dung tố cáo này là hoàn toàn sai sự thật, vì ông đang canh tác bình thường nên ông có quyền kê khai.

3. Nội dung làm giả giấy tờ của ông Nguyễn Văn C4.

Toàn bộ giấy tờ liên quan đến ông Nguyễn Văn C4 bản gốc, có xác nhận của lãnh đạo thôn, lãnh đạo xã. Ông khẳng định đó là chữ viết của ông C4, nội dung đơn này không phải do ông viết.

Ông xin được đề nghị với Tòa án như sau:

1. Ông Nguyễn Văn C4 theo giấy tờ là chủ sổ hộ khẩu, chủ hộ gia đình và đứng tên chủ sở hữu quyền sử dụng đất ở thổ cư. Nay, bà V và bà H1 tố cáo đơn chuyển đổi đất 5% của ông C4 là do ông viết chứ không phải ông C4 viết. Vậy, đề nghị giám định toàn bộ chữ viết và chữ ký trong đơn của ông C4 để làm cơ sở và căn cứ để xử lý việc tố cáo sai sự thật trước pháp luật đối với người đứng đơn tố cáo ông theo Luật khiếu nại, tố cáo.

2. Đề nghị Giám định các loại giấy tờ của ông C4 hiện UBND xã đang lưu trữ.

3. Đề nghị kiểm tra tổng diện tích đất canh tác khu Cửa L của ông Nguyễn Văn C4. Theo giấy tờ nộp thuế hàng năm thì gia đình chỉ có 3 miếng đất canh tác, chuyển đổi 4 miếng đất 5% về, đổi của chị Vũ thị việt 01 sào, thì mới có 1,7 sào.

4. Hồ sơ kê khai việc xây dựng nhà ở 90 m^2 trên đất 5% của bà V gần nhất là ngày 12/7/2013 và đã có bản kê khai nộp thuế đất ở. Do vậy, bà V không thể có hồ sơ 2 thửa là đất 5%.

Hiện trạng thực tế hiện nay khu Cửa L gia đình Nguyễn Thị H1 đang sử dụng là 2,4 sào vậy 0,7 sào dư với diện tích 252m^2 đề nghị xác minh là diện tích gì.

Do vậy ông đề nghị Tòa án kiểm tra tổng thể diện tích khu đất đó, nếu có diện tích dư ngoài hồ sơ của gia đình, đề nghị thu hồi giao cho chính quyền và nhân dân thôn quản lý và sử dụng, đấu giá, thuê thầu lấy tiền xây dựng đường làng ngõ xóm phục vụ nhân dân địa phương. Đề nghị kiểm tra cả diện tích đất ở, diện tích ngoài sổ đỏ thu hồi giao địa phương quản lý, các diện tích dư được công khai trên hệ thống truyền thanh của thôn, làm rõ quá trình 23 năm ông C4 con rể đổi vị trí đất, mẹ con bà V biết sao không đòi hỏi, xin đề nghị trả lại hiện trạng đất trồng lúa khu vực đó và dừng việc thu thuế đất phi nông nghiệp trên tổng diện tích 864 m^2, trả lại thu thuế đất sản xuất nông nghiệp.

Việc thiếu đất của gia đình gần 30 năm chuyển đổi không đòi hỏi, nay có đòi thì đòi thôn đội, Hợp tác xã có diện tích để trả, hay vị trí trả là do tập thể chứ gia đình không có quyền đòi hỏi vị trí, còn diện tích 144 m^2 đề nghị giữ nguyên theo quyết định của UBND huyện Thường T1.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà V gồm có các bà: Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Bích H3, Nguyễn Minh K, Nguyễn Thị Thanh X2 và Nguyễn

Thị L. Bà L chết ngày 10/01/1994 có 4 người con là các anh, chị: Nguyễn Hoàng Đ2, Nguyễn Thị Lan A2, Nguyễn Thị Hồng N và Nguyễn Minh H4 là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L. Các ông, bà uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị H1, ông Hoàng Hữu Đ3 và bà Trương Thị T5 đều thống nhất trình bày như nội dung bà V đã nêu trong Đơn khởi kiện. Đề nghị Toà án huỷ Quyết định số 2589/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 về việc thu hồi 144m^2 đất nông nghiệp do ông Đỗ Hồng Đ4 trả lại.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Đ4 phải công khai xin lỗi gia đình bà, hai nội dung yêu cầu khởi kiện còn lại vẫn giữ nguyên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 316/2024/HC-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Áp dụng Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 158; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; điểm c khoản 1 Điều 64; điểm c khoản 1 Điều 65; điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 82 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Người cao tuổi và Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V về việc yêu cầu ông Đỗ Hồng Đ4 phải công khai xin lỗi.

2. Bác các yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V.

3. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 25/9/2024, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện Phạm Thị V là bà Nguyễn Thị H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bà Nguyễn Thị H1 và người đại diện theo ủy quyền của bà H1 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà H1, sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc UBND huyện Thường T1 sửa Quyết định số 2589, giao lại thửa đất 144m^2 cho gia đình cụ Vinh. Nếu không giao lại thửa đất này thì giao cho gia đình cụ Vinh thửa đất khác, diện tích 144m^2 ở khu vực tương tự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành

chính năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1, giữ nguyên quyết định khác của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của các đương sự, người đại diện theo ủy quyền; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Ngày 14/7/2021, bà Phạm Thị V khởi kiện đề nghị huỷ Quyết định số 2589/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 của UBND huyện Thường T1; công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà Phạm Thị V và buộc ông Đỗ Hồng Đ4 phải công khai xin lỗi; khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 và Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện rút yêu cầu về việc buộc ông Đ4 công khai xin lỗi; Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V về việc yêu cầu ông Đỗ Hồng Đ4 phải công khai xin lỗi là có căn cứ.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của Quyết định số 2589/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 của UBND huyện Thường T1 về việc thu hồi 144m^2 đất nông nghiệp do ông Đỗ Hồng Đ4 sử dụng tại thửa đất 133, tờ bản đồ số III, năm 1993 (Thửa số 346, tờ bản đồ số 25 năm 2020), xã Ninh S2, huyện Thường T1, Hà Nội:

[2.1] Về thẩm quyền: UBND huyện Thường T1 ban hành Quyết định số 2589/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 66 Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Về nguồn gốc thửa đất bị thu hồi: Thửa đất số 133 tờ bản đồ số III năm 1993 diện tích 144m^2 tại khu vực Bờ G, thôn Bằng S1, xã Ninh S2, huyện Thường T1, thành phố Hà Nội, đất có nguồn gốc là đất 5% (đất nông nghiệp) được giao cho bà Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn N2, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị L thuộc hộ bà V năm 1972, mỗi khẩu được 36m^2. Bà V đã giao diện tích đất này cho vợ chồng bà H1, ông C4 quản lý, sử dụng. Ngày 22/10/1996, ông C4 có Đơn xin đổi ruộng canh tác với nội dung: *Hiện nay, tôi có 04 miếng ruộng chân rau ở khu Bờ G. Nay tôi muốn đổi về khu ruộng canh tác khu chân rau Cửa L để cho tiện việc canh tác. 04 miếng ruộng trên tôi xin giao trả ông trưởng thôn cùng các cấp.* Căn cứ vào đơn trên, chính quyền thôn Bằng S1 đã giao lại diện tích đất này cho ông Đỗ Hồng Đ4 canh tác. Các hộ sử dụng ổn định từ năm 1996, đến năm 2020 thì bà V có đơn đề nghị xem xét.

Như vậy, ông C4 không phải là đối tượng được giao diện tích đất nêu trên nên không có quyền để đề nghị trả lại cũng như trao đổi thửa đất số 133. Theo quy định của pháp luật, chính quyền thôn Bằng S1 cũng không có thẩm quyền thu hồi đất và giao đất. Việc chính quyền thôn Bằng S1 chuyển đổi diện tích đất của gia đình bà V và giao diện tích 144m^2 đất tại thửa đất số 133 tờ bản đồ số III năm 1993 cho ông Đỗ Hồng Đ4 là trái thẩm quyền. Mặt khác, ngày 12/7/2021, ông Đ4 đã có Đơn xin trả lại diện tích đất trên. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 64 "*Đất được giao cho thuê không đúng đối tượng hoặc không đúng thẩm quyền*", điểm c khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai năm 2013 "*Người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất*". Ngày 14/7/2021, UBND huyện Thường T1 ban hành Quyết định số 2589/QĐ-UBND về việc thu hồi 144m^2 đất nông nghiệp do ông Đỗ Hồng Đ4 sử dụng tại thửa 133, tờ bản đồ số III, xã Ninh S2 là đúng quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu của người khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 2589/QĐ-UBND; công nhận thửa đất 133 tờ bản đồ số III là của gia đình bà V và các thành viên của hộ bà V là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị H1. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H1 là người cao tuổi, có đơn đề nghị được miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử phúc thẩm miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị H1.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 316/2024/HC-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H1 được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, Phòng HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Văn Cường	**Nguyễn Tất Nam**	**Lê Thị Thúy Bình**